

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08/3/2018.

“ V/v tranh chấp hôn nhân gia đình –
Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Cẩm Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Phát Triển.

Ông: Tô Hoàng Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Anh Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 08 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2017/TLST-HNGĐ, ngày 06/11/2017, về “V/v tranh chấp hôn nhân gia đình – Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08A/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018, quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/02/2018; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Ngọc L - *Sinh năm:* 1974; *Địa chỉ:* Số nhà 253A/TH, ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; *Tạm trú:* 254, ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Lê Văn D - *Sinh năm:* 1971; *Địa chỉ:* Số nhà 253A/TH, ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Bà L có mặt, ông D vắng mặt tại phiên Tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/10/2017 và biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 22/12/2018 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Ngọc L trình ngày 26/10/2017, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Ngọc L trình bày:

Về hôn nhân: bà và ông D tổ chức lễ cưới vào năm 1993, đến nay không có đăng ký kết hôn. Bà và ông D chung sống hạnh phúc một thời

gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, bà về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 10/2016 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn D.

Về con chung có 02 con là Lê Trần Công B, sinh ngày 30/8/1994 (bị bệnh tâm thần phân liệt) và Lê Trần Lan Q, sinh ngày 23/6/1997. Trần Ngọc L yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi 01 con là Lê Trần Công B không yêu cầu Lê Văn D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Lê Văn D trực tiếp nhận thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập hợp lệ hai lần để hòa giải, hai lần để xét xử, nhưng đương sự vẫn cố tình vắng mặt, đồng thời cũng không có văn bản phản bác về việc yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu được ly hôn, yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn Lê Văn D trực tiếp nhận các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng đương sự không chấp hành và cũng không có văn bản phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn, điều đó thể hiện bị đơn từ bỏ quyền phản bác về việc yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự và tại phiên Tòa nguyên đơn cũng thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Bà L với ông D sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1993 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung giữa bà L và ông D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, không quan tâm lẫn nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà L yêu cầu xin ly hôn với ông D. Xét thấy bà L và ông D sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng đã vi phạm vào khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 14 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và 16 của Luật này”.

Về con chung: Tại đơn khởi kiện ngày 06/10/2017, bà L yêu cầu nuôi Lê Trần Công B, sinh ngày 30/8/1994 (bị bệnh tâm thành phân liệt) và yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.000.000đ. nhưng tại phiên họp công khai chứng cứ và tại phiên tòa bà không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi Lê Trần Công B. Xét yêu cầu này là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với Lê Trần Lan Q đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Bà L và ông D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014 ; khoản 2 Điều 227 ; Điều 271 ; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự ; khoản 2 Điều 27 của pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân : Không công nhận bà Trần Ngọc L và ông Lê Văn D là vợ chồng.

2. Về con chung : Bà Trần Ngọc L được tiếp tục nuôi Lê Trần Công B, sinh ngày 30/8/1994 (bị bệnh tâm thành phân liệt). Ông Lê Văn D không phải cấp dưỡng cho con.

Bà Trần Ngọc L cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Lê Văn D trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung khi ly hôn.

3. Về án phí và tạm ứng án phí : Bà Trần Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Được khấu trừ từ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00783, ngày 06/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (8/3/2018). Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Cẩm Hồng

